

Số: *1125*/STP-HCTP

Hải Phòng, ngày 30 tháng 7 năm 2018

V/v hướng dẫn về mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch, đăng ký việc nuôi con nuôi; phí khai thác sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch và phí chứng thực trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Kính gửi:

- Phòng Tư pháp quận, huyện;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 4243/UBND-TC ngày 10/7/2018 về việc thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính trong báo cáo Kết quả kiểm tra công tác chấp hành pháp luật về phí, lệ phí tại thành phố Hải Phòng, đảm bảo chấp hành quy định của pháp luật về phí và lệ phí đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hành chính tư pháp trên địa bàn thành phố, Sở Tư pháp yêu cầu Phòng Tư pháp quận, huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện đúng các quy định về việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí đối với từng loại việc tương ứng theo quy định của pháp luật hiện hành như sau:

1. Đối với lệ phí đăng ký hộ tịch thực hiện theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng. Mức thu được áp dụng thống nhất từ ngày 01/8/2018 (ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành).

2. Đối với lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.

3. Đối với phí cấp bản sao trích lục hộ tịch áp dụng theo mức phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch quy định tại Điều 4 Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

4. Đối với phí chứng thực được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

Sở Tư pháp đề nghị Phòng Tư pháp quận, huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường thị trấn nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các quận, huyện;
- Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, P.HCTP.

GIÁM ĐỐC



Lã Thanh Tân

Số: *12* /2018/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày *12* tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền
Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết một số điều Luật Khoáng sản; Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về Lệ phí trước bạ; Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 về Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 19/6/2018 về việc ban hành Nghị quyết về một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng trình kỳ họp thứ 7 HĐND thành phố khóa XV; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về mức thu, đối tượng thu, nộp, quản lý và sử dụng 2 loại phí và 3 loại lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND thành phố, gồm:

1. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất (*Phụ lục số 01 đính kèm*).

2. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (*Phụ lục số 02 đính kèm*).

3. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (*Phụ lục số 03 đính kèm*).

4. Lệ phí hộ tịch (*Phụ lục số 04 đính kèm*).

5. Lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống (*Phụ lục số 05 ban hành kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, UBND thành phố giúp HĐND thành phố kịp thời ban hành và báo cáo kỳ họp HĐND thành phố gần nhất về phí tham quan danh lam thắng cảnh trên vịnh Lan Hạ, Cát Bà.

3. Giao Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XV Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11/7/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH)
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP; các PCVP HĐND TP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Công báo TP, Công TTĐT TP (đề đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành

PHỤ LỤC SỐ 04: LỆ PHÍ HỘ TỊCH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng)

1. Đối tượng nộp lệ phí và mức thu:

a) UBND cấp xã thực hiện thu lệ phí đối với các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã theo các mức thu sau:

TT	Các trường hợp thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đăng ký khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/lần	8.000
2	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	Đồng/lần	8.000
3	Đăng ký lại kết hôn	Đồng/lần	30.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	10.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú trong nước, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	Đồng/lần	10.000
6	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng/lần	5.000
7	Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Đồng/lần	5.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	5.000

b) UBND cấp huyện thực hiện thu lệ phí đối với các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo các mức thu sau:

TT	Các trường hợp thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đăng ký khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/lần	75.000
2	Đăng ký khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	Đồng/lần	75.000
3	Đăng ký kết hôn mới; đăng ký lại kết hôn	Đồng/lần	1.500.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	1.500.000

TT	Các trường hợp thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
5	Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ	Đồng/lần	75.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài; xác định lại dân tộc	Đồng/lần	28.000
7	Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Đồng/lần	75.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	75.000

c) Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch, cụ thể:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ, đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện tại UBND cấp xã.

2. Cơ quan thu phí: UBND cấp huyện, cấp xã.

3. Quản lý và sử dụng phí:

a) UBND cấp huyện, cấp xã nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Hàng năm UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng dự toán chi phí trang trải cho việc thu lệ phí này theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn có liên quan để được cấp theo dự toán và thực hiện quyết toán chi phí theo quy định.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành